

Số: /QĐ-BDT

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của Ban Dân tộc

#### TRƯỞNG BAN BAN DÂN TỘC

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc;

Xét đề nghị của Phó Chánh Văn phòng phụ trách.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Ban Dân tộc (Có các biểu mẫu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng, phó các phòng chuyên môn thuộc Ban chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Ban;
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, VP.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Trần Văn Thanh**

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BDT ngày /02/2025 của Ban Dân tộc)

**A. TÌNH HÌNH CHUNG**

**I. Tình hình người lao động, quỹ lương**

- Người lao động có mặt tại thời điểm báo cáo: 15 người
  - Công chức (số lượng vị trí việc làm): 12 người
  - Hợp đồng lao động (Lái xe, Bảo vệ, Tạp vụ): 03 người
- Tăng trong năm: 0 người.
- Giảm trong năm: 04 người (02 người nghỉ hưu, 01 người chuyển đến cơ quan khác, 01 người mất).

**II. Thực hiện các chỉ tiêu của nhiệm vụ cơ bản**

Đánh giá chung:

- Để thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Ban Dân tộc đã thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của UBND tỉnh, nhất là trong phân cấp quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan; triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc và các nhiệm vụ khác có liên quan;

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành và các huyện liên quan nắm tình hình kinh tế - xã hội, an ninh chính trị, đời sống trong vùng dân tộc thiểu số như: tình hình thiếu đất sản xuất, nắng hạn, thiếu nước sinh hoạt ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân,...

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I từ năm 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình 1719);

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung thay thế, hoàn thiện các quy chế, nội quy cơ quan nhằm đảm bảo công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của tập thể Lãnh đạo Ban diễn ra thường xuyên, quan tâm chỉ đạo giải quyết đảm bảo chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước cho công chức và người lao động;

- Chỉ đạo, thực hiện tốt công tác quản lý chi thường xuyên của đơn vị; xây dựng kế hoạch, nội dung tiết kiệm và công khai toàn cơ quan; đảm bảo các chế độ, chính sách đối với công chức, người lao động; thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, quy chế dân chủ... Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động như: Hoạt động của Trang thông tin điện tử, Văn phòng điện tử, gửi nhận văn bản điện tử đi, đến theo quy định; thực hiện đầy đủ các báo cáo định kỳ, chuyên đề, báo cáo đột xuất, các văn bản tham gia đóng góp ý kiến của các sở, ngành; xin ý kiến chỉ đạo hoặc tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các huyện theo chức năng nhiệm vụ được giao;

- Hoàn thành tổ chức Đoàn đi học tập, trao đổi kinh nghiệm về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh phía Nam và miền Đông Nam bộ, các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên;

- Tổ chức 06 lớp tập huấn Kỹ năng tuyên truyền, truyền thông triển khai thực hiện đề án tổng thể về Chương trình MTQG; Nghiệp vụ, quy trình quản lý đầu tư công trình cơ sở hạ tầng do cấp xã làm chủ đầu tư, với 718 người tham gia;

- Triển khai xây dựng 10 pano tuyên truyền tại huyện Vân Canh, Hoài Ân và Trường PTDT Bán trú Canh Thuận và Trường PTDTNT THCS&THPT An Lão; Phối hợp với Tỉnh Đoàn và các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh tổ chức các diễn đàn về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Phối hợp với 02 Trường PTDT Bán trú Canh Thuận và Trường PTDTNT THCS&THPT An Lão thành lập mới Câu lạc bộ “Thanh niên nói không với tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống” tại Trường và tiếp tục duy trì 03 Câu lạc bộ tại các Trường: Trường PTDT Bán trú Tiểu học và THCS Vĩnh Kim, Trường PTDT Bán trú Canh Liên, Trường PTDTBT An Lão đã thành lập năm 2023; Phối hợp với Sở Tư pháp biên soạn, in ấn Sổ tay pháp luật quy trình thủ tục, mức xử phạt về vi phạm tảo hôn; Phối hợp Báo Dân tộc và Phát triển xây dựng chuyên mục tuyên truyền thông qua tin, bài, ảnh và các hoạt động trực quan, sinh động liên quan đến tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên Báo Dân tộc và Phát triển (Báo giấy và Báo điện tử); Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Định xây dựng tin bài, chuyên trang, chuyên mục về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống,....

- Tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, chính sách dân tộc đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Bình Định năm 2024; Hội nghị phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện An Lão, Vĩnh Thạnh và Hoài Ân;

- Tiếp Đoàn người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam đến làm việc, trao đổi, học tập kinh nghiệm;

- Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Định lần thứ IV - năm 2024 trong 02 ngày 25 và 26/9/2024 tại Trung tâm Hội nghị tỉnh (Số 01 đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Quy Nhơn), với 250 đại biểu chính thức và 76 đại biểu khách mời;

- Ban hành một số văn bản triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

- Tham gia góp ý vào dự thảo các Thông tư, Nghị định, Tờ trình, Quyết định, Kế hoạch của các sở, ban, ngành...

## **B. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NGUỒN NSNN CẤP**

### **I. Tình hình sử dụng NSNN trong năm**

1. Nguyên nhân của các biến động quyết toán tăng, giảm so với dự toán được giao (kinh phí năm trước chuyển sang, dự toán hủy bỏ không thực hiện, chi sai chế độ phải xuất toán,...): không.

#### 2. Nguồn NSNN trong nước

2.1. Kinh phí đã nhận từ năm trước chuyển sang: 6.713.001.449 đồng

a) Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 563.632 đồng

Kinh phí thực hiện CCTL: 563.632 đồng

b) Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ: 6.712.437.817 đồng

Kinh phí thực hiện CCTL: 8.873.033 đồng

Kinh phí thực hiện CTMT: 6.703.564.784 đồng

2.2. Dự toán giao năm nay: 11.755.222.716 đồng

a) Kinh phí thường xuyên/ tự chủ:

\* Dự toán giao đầu năm: 3.160.000.000 đồng

+ Trong đó:

- Kinh phí thực hiện nguồn CCTL: 58.000.000 đồng

- Kinh phí tự chủ: 3.102.000.000 đồng

\* Dự toán điều chỉnh cắt giảm, tiết kiệm theo Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Bình Định: -9.600.000 đồng

\* Dự toán điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 4191/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định: 33.000.000 đồng

b) Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ:

\* Dự toán giao đầu năm theo Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định: 4.105.000.000 đồng

Trong đó:

- Hỗ trợ Kinh phí hoạt động đảng bộ cơ sở: 16.000.000 đồng
- Trang phục thanh tra: 18.000.000 đồng
- Kinh phí thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc): 135.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc: 450.000.000 đồng
- Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 344.000.000 đồng
- Kinh phí tổ chức Hội thao cơ quan công tác dân tộc lần thứ XI năm 2024 tại tỉnh Bình Định: 199.000.000 đồng
- Kinh phí tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Bình Định: 54.000.000 đồng
- Kinh phí tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ IV/2024: 1.170.000.000 đồng
- Kinh phí triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024: 90.000.000 đồng
- Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc: 45.000.000 đồng
- Kinh phí đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh: 34.000.000 đồng
- Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số: 1.550.000.000 đồng
- \* Dự toán giao theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của UBND tỉnh Bình Định: 10.498.000.000 đồng

Trong đó:

- (i) Ngân sách trung ương bổ sung mục tiêu: 9.127.000.000 đồng
- Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: 1.648.000.000 đồng
- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: 2.986.000.000 đồng
- Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: 205.000.000 đồng

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: 2.333.000.000 đồng

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: 313.000.000 đồng

- Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN: 844.000.000 đồng

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030: 798.000.000 đồng

(ii) Kinh phí đối ứng ngân sách tỉnh: 1.371.000.000 đồng

- Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư: 247.000.000 đồng

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc: 448.000.000 đồng

- Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: 31.000.000 đồng

- Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: 350.000.000 đồng

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: 48.000.000 đồng

- Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN: 127.000.000 đồng

- Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030: 120.000.000 đồng

\* Dự toán điều chỉnh cắt giảm, tiết kiệm theo Quyết định số 3152/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Bình Định: -54.450.000 đồng

Trong đó:

- Hỗ trợ Kinh phí hoạt động đảng bộ cơ sở: -800.000 đồng

- Kinh phí thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc): -6.750.000 đồng

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc:

-22.500.000 đồng

- Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: -17.200.000 đồng

- Kinh phí tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Bình Định:  
-2.700.000 đồng

- Kinh phí triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024: -4.500.000 đồng

\* Dự toán điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 3948/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Bình Định: Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 để thực hiện CCTL (nguồn 15): 267.930.000 đồng.

\* Dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Bình Định: -303.004.000 đồng

Trong đó: Ngân sách trung ương bổ sung năm 2024:

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình: -303.004.000 đồng

\* Dự toán điều chỉnh theo Quyết định số 4047/QĐ-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh Bình Định: -161.098.000 đồng

Trong đó:

- Kinh phí thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc): -41.936.060 đồng

- Kinh phí thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: -15.000.000 đồng

- Kinh phí tổ chức Hội thảo cơ quan công tác dân tộc lần thứ XI năm 2024 tại tỉnh Bình Định: -4.603.940 đồng

- Kinh phí tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng ĐB DTTS và MN giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Bình Định: -4.558.000 đồng

- Kinh phí triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024: -50.000.000 đồng

- Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc: -45.000.000 đồng

\* Dự toán hoàn trả ngân sách theo Quyết định số 4140/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Định: - 5.872.555.284 đồng

\* Dự toán điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định số 4555/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Bình Định: Quỹ tiền thưởng năm 2024: 92.000.000 đồng.

### 2.3. Kinh phí đã chi năm 2024:

- Kinh phí thường xuyên/ tự chủ: 3.183.400.000 đồng  
(*Bao gồm: Chi lương, các khoản phụ cấp theo lương và chi hành chính phí*)

- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ: 13.375.150.916 đồng

### 3. Nguồn viện trợ

3.1. Dự toán được giao năm nay: không

- DT giao đầu năm: không

- DT bổ sung, điều chỉnh trong năm: không

+ Điều chỉnh tăng: không

+ Điều chỉnh giảm: không

3.2 Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm: không

### 4. Nguồn vay nợ nước ngoài

4.1. Dự toán được giao năm nay: không

4.2. Số đã giải ngân, rút vốn chưa hoạch toán NSNN (chi tiết): không

## II. Tình hình thu phí, lệ phí và sử dụng nguồn phí được khấu trừ, để lại:

Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang Sở, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc; đồng thời, Ban chưa có đơn vị sự nghiệp công lập nên không thực hiện nhiệm vụ thu khác.

### III. Nguồn hoạt động khác được để lại

1. Tên nguồn kinh phí được để lại: không

2. Số thu trong năm: không

3. Dự toán được giao năm nay: không

### IV. Thuyết minh khác

Nhìn chung trong năm 2024, Ban đã chủ động trong công tác quản lý, điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ phát sinh được Chủ tịch UBND tỉnh giao. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện chế độ chi tiêu các nhiệm vụ của Ban đều được sự quan tâm hỗ trợ của cơ quan tài chính, Ban thực hiện thanh quyết toán tuân thủ đúng quy định hiện hành. Bên cạnh đó, đơn vị đã quán triệt toàn bộ công chức, người lao động của Ban nêu cao tinh thần tiết kiệm chống lãng phí trong việc sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm, tổ chức hội nghị, tiếp khách, các khoản kinh phí xăng xe trong năm góp phần tiết kiệm kinh phí do ngân sách cấp.

Trên đây là khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024./.





Đơn vị: **Ban Dân tộc tỉnh Bình Định**Chương: **483****DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BDT ngày /02/2025 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>	
<b>2</b>	<b>Phí</b>	
	Phí ...	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>18.468.224.165</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>18.468.224.165</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.858.218.665</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>3.183.963.632</b>
-	KP quản lý nhà nước	3.183.400.000
-	KP thực hiện CCTL	563.632
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.674.255.033</b>
-	Hỗ trợ KP hoạt động đảng bộ cơ sở	15.200.000
-	Trang phục thanh tra	18.000.000
-	KP thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBDT ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc)	86.313.940
-	KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc	427.500.000
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	311.800.000
-	KP tổ chức Hội thao cơ quan công tác dân tộc lần thứ XI năm 2024 tại tỉnh Bình Định	194.396.060
-	KP tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG PT KT-XH vùng ĐB DTTS và MN, GD 2021-2025 tại tỉnh Bình Định	46.742.000
-	KP tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ IV/2024	1.170.000.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
-	KP triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024	35.500.000
-	KP thực hiện CCTL	8.873.033
-	Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 (nguồn 15)	267.930.000
-	Kinh phí Quỹ tiền thưởng năm 2024	92.000.000
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>34.000.000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	34.000.000
-	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc	0
-	KP đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh	34.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>1.550.000.000</b>
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.550.000.000
	Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	1.550.000.000
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	11.026.005.500
a	<i>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2022 chuyển sang)</i>	909.047.000
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	780.142.000
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	128.905.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	0
b	<i>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2023 chuyển sang)</i>	4.051.427.500
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.096.065.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	49.301.500
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	2.596.792.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	226.162.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	20.000.000
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	63.107.000
c	<i>Vốn đối ứng NS tỉnh (giao năm 2023 chuyển sang)</i>	769.856.000
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	99.456.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	0
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	616.000.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	39.000.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	15.400.000

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	0
<b>d</b>	<b><i>Nguồn vốn NSTW giao năm 2024</i></b>	<b><i>4.721.996.000</i></b>
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	2.236.000.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	205.000.000
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	783.000.000
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	9.996.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	720.000.000
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	768.000.000
<b>e</b>	<b><i>Vốn đối ứng NS tỉnh (giao năm 2024)</i></b>	<b><i>573.679.000</i></b>
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	348.000.000
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	0
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	0
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	48.000.000
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	74.193.000
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	103.486.000

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-BDT ngày /02/2025 của Ban Dân tộc tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
2	Phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>18.468.224.165</b>	<b>16.558.550.916</b>	<b>89,66</b>	<b>506,95</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>18.468.224.165</b>	<b>16.558.550.916</b>	<b>89,66</b>	<b>506,95</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>5.858.218.665</b>	<b>5.552.751.529</b>	<b>94,79</b>	<b>170,00</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>3.183.963.632</b>	<b>3.183.400.000</b>	<b>99,98</b>	<b>116,93</b>
-	KP quản lý nhà nước	3.183.400.000	3.183.400.000	100,00	122,11
-	KP thực hiện CCTL	563.632	0	0,00	0,00
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>2.674.255.033</b>	<b>2.369.351.529</b>	<b>88,60</b>	<b>435,74</b>
-	Hỗ trợ KP hoạt động đảng bộ cơ sở	15.200.000	15.190.200	99,94	152,04
-	Trang phục thanh tra	18.000.000	17.985.000	99,92	99,99
	KP thuê hạ tầng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bình Định (theo Thông tư số 02/2018/TT-UBND ngày 05/4/2018 của Ủy ban Dân tộc)	86.313.940	86.313.600	100,00	99,21
	KP thực hiện các nhiệm vụ đặc thù ngành dân tộc và hoạt động cơ quan Thường trực về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc	427.500.000	343.452.600	80,34	94,97
	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo QĐ 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	311.800.000	178.347.500	57,20	
	KP tổ chức Hội thao cơ quan công tác dân tộc lần thứ XI năm 2024 tại tỉnh Bình Định	194.396.060	194.396.060	100,00	
	KP tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm thực hiện CTMTQG PT KT-XH vùng ĐB DTTS và MN, GD 2021-2025 tại tỉnh Bình Định	46.742.000	46.742.000	100,00	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	KP tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần thứ IV/2024	1.170.000.000	1.109.925.010	94,87	
	KP triển khai Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2024	35.500.000	17.494.000	49,28	
	KP thực hiện CCTL	8.873.033		0,00	0,00
	Kinh phí không tự chủ được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9 (nguồn 15)	267.930.000	267.505.559	99,84	
	Kinh phí Quỹ tiền thưởng năm 2024	92.000.000	92.000.000	100,00	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>34.000.000</b>	<b>4.788.000</b>	<b>14</b>	<b>37</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	34.000.000	4.788.000	14	37
-	Kinh phí tổ chức hội nghị tập huấn chuyên ngành về công tác dân tộc	0	0		0,00
-	KP đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức được cử đi học theo chính sách của tỉnh	34.000.000	4.788.000	14,08	37,42
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	<b>1.550.000.000</b>	<b>1.414.811.490</b>	<b>91</b>	<b>91</b>
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.550.000.000	1.414.811.490	91	91
	Cấp muối i-ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	1.550.000.000	1.414.811.490	91,28	91,41
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
<b>11</b>	<b>Chi Chương trình mục tiêu</b>	<b>11.026.005.500</b>	<b>9.586.199.897</b>		<b>0</b>
<i>a</i>	<i>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2022 chuyển sa</i>	<i>909.047.000</i>	<i>909.047.000</i>	<i>200</i>	
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	780.142.000	780.142.000	100,00	
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	128.905.000	128.905.000	100,00	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	0			
<i>b</i>	<i>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2023 chuyển sa</i>	<i>4.051.427.500</i>	<i>3.917.475.300</i>	<i>545</i>	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0			
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	1.096.065.000	1.096.065.000	100,00	
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	49.301.500	49.301.500	100,00	
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	2.596.792.000	2.587.279.000	99,63	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	226.162.000	101.728.000	44,98	
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	20.000.000	19.996.800	99,98	
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	63.107.000	63.105.000	100,00	
<b>c</b>	<b>Vốn đối ứng NS tỉnh (giao năm 2023 chuyển)</b>	<b>769.856.000</b>	<b>730.456.000</b>	<b>94,88</b>	
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0			
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	99.456.000	99.456.000	100,00	
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	0			
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	616.000.000	616.000.000	100,00	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	39.000.000		0,00	
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	15.400.000	15.000.000	97,40	
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	0			
<b>d</b>	<b>Nguồn vốn NSTW (giao năm 2024)</b>	<b>4.721.996.000</b>	<b>3.512.511.597</b>	<b>74,39</b>	
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0			
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	2.236.000.000	1.770.354.825	79,18	
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	205.000.000	205.000.000	100,00	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	783.000.000	316.392.500	40,41	
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	9.996.000		0,00	
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	720.000.000	709.214.272	98,50	
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	768.000.000	511.550.000	66,61	
<b>e</b>	<b>Vốn đối ứng NS tỉnh (giao năm 2024)</b>	<b>573.679.000</b>	<b>516.710.000</b>	<b>90,07</b>	
-	Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	0		0,00	
-	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	348.000.000	339.331.000	97,51	
-	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN (vốn sự nghiệp)	0			
-	Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	0			
-	Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	48.000.000		0,00	
-	Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS&MN	74.193.000	73.893.000	99,60	
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến giáo dục, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030	103.486.000	103.486.000	100,00	